

2024-2025 USA Fencing Rolling Point Standings  
V60MS

RANK	CURRENT AS OF		10/30/2024 DIVISION	ROLLING POINTS	V60 - JAN		V60 - APR		V60 - NTLS		V60 - WORLDS	
	NAME	YOB			PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
1	Matt, George C	1962	Virginia	1800	3	340	1	400	1	400	1	1000
2	Runyan, Joshua	1958	San Diego	1586	2	368	6	278	2	368	3	850
3	Lundborg, Mark R	1960	Western WA	768	1	400	2	368	np	0	np	0
4	Kopylov, Dmitri	1960	New Jersey	680	np	0	3	340	3	340	np	0
5	Becker, William	1965	Arizona	620	np	0	np	0	np	0	np	0
6	Milne, Will J	1960	Northern California	556	5	280	7	276	np	0	11	0
7	Herrera, Richard	1962	Oregon	552	3	340	12	208	10	212	np	0
14T	Vidovszky, Tamas J	1964	Mountain Valley, CA	548	13	206	3	340	12	208	np	0
9	Anthony Jr, Donald	1957	Columbus, OH	540	16	200	np	0	3	340	np	0
10	Zinni, Gene	1963	Colorado	488	9	214	8	274	np	0	np	0
11	Lear, Donald W	1959	Central PA	486	8	274	10	212	np	0	np	0
12	Bukowski, Todd	1962	Capitol	484	6	278	np	0	13	206	np	0
13	Dashnaw, Stephen M	1964	New Jersey	480	7	276	np	0	14	204	np	0
14	Dahl, Chris	1957	New England	476	18	138	16	200	7	276	np	0
15	Heck, Steven	1961	New England	410	17	140	11	210	16	200	np	0
16	<i>Krasnich, Mike</i>	<i>1961</i>	<i>CAN</i>	<i>408</i>	<i>15</i>	<i>202</i>	<i>13</i>	<i>206</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
17T	Creten, Joachim	1962	Oregon	350	19	136	9	214	23	128	np	0
17T	Lillard, Samuel N	1963	Columbus, OH	350	np	0	17	140	11	210	np	0
19	Zipper, Michael E	1965	Metro NYC	348	np	0	np	0	np	0	np	0
20	Su, Ji	1957	Virginia	340	14	204	19	136	27	120	np	0
21T	Srere, Mark A.	1959	Capitol	338	10	212	24	126	np	0	np	0
21T	Gueble, Jeffrey R	1959	Western WA	338	11	210	23	128	np	0	np	0
23	Kizik, Val	1961	Indiana	280	np	0	np	0	5	280	np	0
24	Badger, Carlton M	1956	N. Carolina	278	np	0	np	0	6	278	np	0
25	Mighell, Jason	1963	Colorado	274	20	134	20	134	17	140	np	0
26	Hicha, Paul	1957	Arizona	270	21	132	26	122	18	138	np	0
27	Barbour, James W	1958	Arizona	262	np	0	21	132	22	130	np	0
28	Myers, Brent M	1957	Central FL	260	np	0	18	138	26	122	np	0
29	Blair, Ray	1959	Central Florida	258	24	126	29.5	115	21	132	np	0
30	Gormley, Peter J	1961	New England	251	np	0	29.5	115	19	136	np	0
31	Treanor, Donald	1958	National	248	22	130	28	118	np	0	np	0
32	Paragano, Vincent	1956	New Jersey	214	np	0	np	0	9	214	np	0
33	Lin, Feng	1962	Metro NYC	208	12	208	np	0	np	0	np	0
34	Park, Tai H.	1960	West-Rock	204	np	0	14	204	np	0	np	0
35	Remete, Tomas	1957	Gold Coast	202	np	0	15	202	np	0	np	0
36	Graff Jon	1963	New Jersey	134	np	0	np	0	20	134	np	0
37	Keefer, Philip E.	1961	Capitol	130	np	0	22	130	np	0	np	0
38	Elder, John	1961	Maryland	126	np	0	np	0	24	126	np	0
39T	Richards, Dick	1956	Capitol	124	25	124	np	0	np	0	np	0
39T	Donnellon, James	1958	Michigan	124	np	0	np	0	25	124	np	0
39T	<i>Lima, Roberto</i>	<i>1958</i>	<i>BRA</i>	<i>124</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>25</i>	<i>124</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
42	Bruce, li, Ommer	1956	Central CA	122	26	122	np	0	np	0	np	0
43T	Olson, Mark	1957	San Bern'do	120	27	120	np	0	np	0	np	0
43T	Hendricks, Ron	1958	Utah-S.Idaho	120	np	0	27	120	np	0	np	0
45	Safai, Tejav	1957	Capitol	118	np	0	np	0	28	118	np	0
46	Dobbins, James W	1960	North Carolina	116	np	0	np	0	29	116	np	0
47	Lesch, Randall J	1964	Iowa	114	np	0	np	0	30	114	np	0
48T	Meagher, Roderick	1957	Huds-Berks	112	np	0	np	0	31	112	np	0
48T	Rolando, Doc	1960	New Jersey	112	np	0	31	112	np	0	np	0
50	Sims Martin	1965	Virginia	110	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2024-2025 USA Fencing Rolling Point Standings  
V6OMS

CURRENT AS OF 10/30/2024	V50 - JAN PLACE	2024 POINTS	V50 - APR PLACE	2024 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2024 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2024 POINTS
Matt, George C	np	0	np	0	np	0	np	0
Runyan, Joshua	np	0	np	0	np	0	np	0
Lundborg, Mark R	np	0	np	0	np	0	np	0
Kopylov, Dmitri	np	0	np	0	np	0	np	0
Becker, William	5	280	3	340	7	276	np	0
Milne, Will J	np	0	np	0	np	0	np	0
Herrera, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Vidovszky, Tamas J	np	0	np	0	np	0	np	0
Anthony Jr, Donald	np	0	np	0	np	0	np	0
Zinni, Gene	np	0	np	0	np	0	np	0
Lear, Donald W	np	0	np	0	np	0	np	0
Bukowski, Todd	np	0	np	0	np	0	np	0
Dashnaw, Stephen M	np	0	np	0	np	0	np	0
Dahl, Chris	np	0	np	0	np	0	np	0
Heck, Steven	np	0	np	0	np	0	np	0
<i>Krasnich, Mike</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Creten, Joachim	np	0	np	0	np	0	np	0
Lillard, Samuel N	np	0	np	0	np	0	np	0
Zipper, Michael E	17	140	12	208	17	140	np	0
Su, Ji	np	0	np	0	np	0	np	0
Srere, Mark A.	np	0	np	0	np	0	np	0
Gueble, Jeffrey R	np	0	np	0	np	0	np	0
Kizik, Val	np	0	np	0	np	0	np	0
Badger, Carlton M	np	0	np	0	np	0	np	0
Mighell, Jason	np	0	np	0	np	0	np	0
Hicha, Paul	np	0	np	0	np	0	np	0
Barbour, James W	np	0	np	0	np	0	np	0
Myers, Brent M	np	0	np	0	np	0	np	0
Blair, Ray	np	0	np	0	np	0	np	0
Gormley, Peter J	np	0	np	0	np	0	np	0
Treanor, Donald	np	0	np	0	np	0	np	0
Paragano, Vincent	np	0	np	0	np	0	np	0
Lin, Feng	np	0	np	0	np	0	np	0
Park, Tai H.	np	0	np	0	np	0	np	0
Remete, Tomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Graff Jon	np	0	np	0	np	0	np	0
Keefer, Philip E.	np	0	np	0	np	0	np	0
Elder, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Richards, Dick	np	0	np	0	np	0	np	0
Donnellon, James	np	0	np	0	np	0	np	0
<i>Lima, Roberto</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Bruce, li, Ommer	np	0	np	0	np	0	np	0
Olson, Mark	np	0	np	0	np	0	np	0
Hendricks, Ron	np	0	np	0	np	0	np	0
Safai, Tejav	np	0	np	0	np	0	np	0
Dobbins, James W	np	0	np	0	np	0	np	0
Lesch, Randall J	np	0	np	0	np	0	np	0
Meagher, Roderick	np	0	np	0	np	0	np	0
Rolando, Doc	np	0	np	0	np	0	np	0
Sims Martin	np	0	np	0	32	110	np	0

np = Did not earn points (including not competing)